TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2026/HNGĐ - ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2026
" V/v ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* Nguyễn Đồng D
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông* Nguyễn Viết Th
Bà Nguyễn Thị Kim H

Thư ký Toà án phiên toà: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Y - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/2/2026 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/HNGĐ - QĐXX ngày 09/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh Lưu Quang G, sinh năm 1989

Đều trú tại: Ngô Xá, Xuân Trúc, Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Lưu Huyền D, sinh năm 2025

Người đại diện cho cháu D: Chị G

Chị T có đơn xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/2/2026 của chị T và các lời khai của chị T, anh G trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Nguyên đơn trình bày: Chị T và anh G quen nhau khi làm cùng công ty, hai bên tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lãng (nay là xã Xuân Trúc), tỉnh Hưng Yên vào năm 2023. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh G, cuộc sống hòa thuận được thời gian thì có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế không tập trung, tiền của ai người đó quản lý, khi chi phí vào việc chung thì cùng đóng góp, do bất đồng về mọi mặt nên tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt, tháng 01/2026 vợ chồng to tiếng, đánh nhau, gia đình cũng can thiệp, cũng phân tích hòa giải nhưng vợ chồng không gắn kết lại được, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, hiện nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm đến ai. Kể từ sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không tâm sự với nhau về những khó khăn, vất vả trong cuộc sống, khi cần thì hỏi và trả lời cho xong, mặc dù ngủ cùng nhau nhưng sinh

hoạt vợ chồng đã chấm dứt từ lâu. Bản thân anh G vẫn thờ ơ, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đi làm về là cầm điện thoại chơi, mọi việc trong nhà mặc kệ cho chị lo liệu, xoay sở, chị có nói thì anh G nổi khủng, đứng dậy bỏ đi. Nay chị xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh G.

Bị đơn trình bày: Anh G và chị T tự quen, hai bên tìm hiểu nhau khoảng hai năm thì kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lãng (nay là xã Xuân Trúc), tỉnh Hưng Yên vào năm 2023. Trong cuộc sống vợ chồng cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn nhưng hai bên đều tự giải quyết được, gần tết năm nay vì mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói, hai bên không kìm chế được cảm xúc nên đã có nhiều lời nói, hành động không đúng mực, to tiếng, đánh cãi chửi nhau, chị T cùng con về bên ngoại ở và sau đó anh đã xin lỗi, đón mẹ con chị T về, bản thân chị T cũng không quan tâm đến cuộc sống hay công việc của anh. Ạnh xác định nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không hòa thuận xuất phát từ anh là chính, do anh chơi bời nên trước đây không có thời gian quan tâm cho mẹ con chị T, anh cũng thờ ơ không để ý đến suy nghĩ của vợ, bản thân anh tính nết cương trực, không nên không phải anh cứ nói thẳng, điều đó cũng vô tình làm tổn thương vợ, kể từ khi chị T làm đơn ly hôn nộp tại Tòa, anh cũng suy nghĩ rất nhiều và cố gắng thay đổi với mong muốn chị T cho anh thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm, anh xác định tình cảm vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh G có 01 con chung tên Lưu Huyền D, sinh ngày 16/8/2025, hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình anh G (bà Dóc) có quan điểm: Bà là mẹ đẻ anh G, mẹ chồng chị T, hai anh chị tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, do anh G chơi bời, nợ nần, tuy nhiên việc trả nợ do bà trả chứ chị T không phải trả, từ chuyện tiền bạc dẫn đến vợ chồng to tiếng, thiếu tôn trọng, trước tết âm lịch vừa rồi vì cãi nhau mẹ con chị T đã bỏ về và anh G đã lên đón về, mâu thuẫn cụ thể dẫn đến vợ chồng ly hôn thì bà không nắm được. Nguyện vọng của bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu vợ chồng cố tình ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Huyền D, sinh ngày 16/8/2025, cháu D vẫn ở cùng vợ chồng anh G và gia đình tôi. Vợ chồng anh G có hay không có tài sản chung bà không biết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc hoãn phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định tại BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng cơ bản đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 78 BLTTDS

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điều 28, 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147 , 238 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T được ly hôn anh Lưu Quang G.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Huyền D, sinh ngày 16/8/2025 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi, tự lập được, anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề nghị xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lý Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Lưu Quang G. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Ngô Xá, xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc kết hôn của chị T, anh G: Chị T, anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lãng (nay là xã Xuân Trúc), tỉnh Hưng Yên vào năm 2023, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị T, anh G là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh G không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và cả hai đều không tự giải quyết được, bản thân anh G có nguyện vọng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không có giải pháp gì để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại trong khi chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhưng các đương sự không trực tiếp gặp nhau, lần chị T có mặt, lần anh G vắng mặt, mặc dù vợ chồng anh G, chị T vẫn ở cùng nhau nhưng không còn quan tâm, yêu thương, chấm dứt mọi quan hệ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh G.

Về con chung: Anh G, chị T có 01 con chung tên Lưu Huyền D, sinh ngày 16/8/2025. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành

niên, quan điểm nguyện vọng của anh, chị là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao cháu D cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến các điều kiện, cả anh G, chị T đều có công việc, thu nhập ổn định, tuy nhiên cháu D còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình " *con dưới 36 tháng tuổi được ưu tiên giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng*", do đó để đảm bảo cuộc sống cũng như tránh ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý cần thiết giao cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn anh Lưu Quang G.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Huyền D, sinh ngày 16/8/2025 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T, anh G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Đối trừ số tiền mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000799 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Trúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng D